TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 31/5/2023.
(V/v Xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn T2.

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị T3 và bà Lê Thị O

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị T4 - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H1 - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/LHST–HNGĐ ngày 23/02/2023, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1980**;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T1, xã A, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện tại: Thôn B, xã Ô, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: **Anh Đàm Quang T, sinh năm 1976**;

Đăng ký HKTT, Nơi ở hiện tại: Thôn T1, xã A, huyện K, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đàm Quang K1, sinh ngày 07/8/2007;

Cháu Đàm Quang Tr, sinh ngày 24/10/2010.

Giám hộ cho Cháu K1 và Cháu Tr là Anh Đàm Quang T và Chị Hoàng Thị L – Bố, mẹ đẻ của các cháu.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1956;

Trú tại: Thôn B, xã Ô, huyện K, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đàm Quang T, sinh năm 1976 là người ở Thôn T1, xã A trên cơ sở tự nguyện và được tự do tìm hiểu có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã A, huyện K, vào ngày 03/4/2007.

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh T tại Thôn T1, xã A. anh, chị chung sống bình thường được khoảng hơn 3 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh T là người mải chơi, rượu chè, không tu trí làm ăn, mọi việc đều để mặc cho chị lo toan. Không những thế anh T còn là người cục tính, gia trưởng. Nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh T không nghe, ngược lại còn chửi bới và đánh đập vợ con. Cuộc sống vợ chồng chị từ đó thường xuyên xẩy ra cãi vã, không khí gia đình lúc nào căng thẳng. Nhiều lần chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng sau đó anh T lại đến xin lỗi và hứa thay đổi nên vì thương con nên chị lại quay về tiếp tục chung sống với anh T. Nhưng cũng chỉ được vài hôm anh T lại vẫn chứng nào tật đấy. Đến tháng 9/2022 do không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và làm Đơn khởi kiện xin ly hôn anh T ra Toà án nhân dân huyện K. Tòa án đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án, trong qúa trình giải quyết thì anh Toàn lại xin lỗi chị và hứa thay đổi, chị lại mềm lòng nên lại rút Đơn khởi kiện, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Chị cứ nghĩ anh T sau lần này sẽ thay đổi ít nhiều nhưng anh T vẫn vậy, thậm chí còn hung dữ hơn. Đến thời điểm này, chị không thể chịu đựng và bỏ qua cho anh T được nữa. Do vậy cách đây gần 1 tháng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn B, xã Ô sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống. Đến thời điểm này chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn từ lâu, cuộc sống hôn nhân chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ và là sự chịu đựng nhau. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống mới.

Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đàm Quang T trình bày: Về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như chị L trình bày. Vợ chồng anh chung sống bình thường, chỉ là do chị L hay giận dỗi linh tinh, trong khi bản thân anh không có lỗi lầm gì. Chị L đã tự bỏ đi vài lần. Trước đây vào năm 2022 thì chị L đã từng làm đơn xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chỉ được 3 tháng là chị L lại bỏ đi. Cụ thể là vào đầu năm 2023 chị L đã mang hai con về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn B, xã Ô sinh sống từ đó cho đến nay. Anh có đến tìm gặp vài lần để bảo chị L mang con về để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị L không nghe. Có lúc nóng thì anh có chửi bới chị L nhưng chưa bao giờ đánh chị L. Chị L xin ly hôn anh thì anh không nhất trí vì vẫn còn tình cảm và vì anh rất thương hai con chung không muốn các con phải khổ.

Về con chung: Chị L và anh T đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đàm Quang Tr, sinh ngày 07/8/2007 và cháu Đàm Quang K1, sinh ngày 24/10/2010. Khi chị L mới bỏ đi thì hai cháu đang ở cùng với chị L. Tuy nhiên sau một thời gian thì cháu Tr ở với anh T, cháu K1 ở với chị L. Khi ly hôn anh T xin nuôi cả hai con chung, nếu không được thì anh xin nuôi cháu Tr và nhất trí giao cháu K1 cho chị L nuôi. Quan điểm chị L xin được nuôi dưỡng chăm sóc cho cả hai con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân của chị là 15.000.000 đồng/1 tháng. Ngoài ra bố mẹ chị cũng tạo điều kiện hết sức cho chị về chỗ ăn chỗ ở, đồng thời còn phụ giúp việc chị chăm sóc con chung nên các cháu đều được đảm bảo về điều kiện ăn ở và học hành.

Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết về việc đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị L1 là Mẹ đẻ của chị L trình bày: Năm 2007 gia đình bà có tổ chức xây dựng gia đình cho anh T và chị L. Hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tiến hành đăng kí kết hôn hợp pháp tại UBND xã A. Sau khi kết hôn chị L chuyển về chung sống cùng với anh T. Tuy nhiên anh T chị L chung sống được khoảng vài năm là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên là do anh T là người mải chơi bời, rượu chè, không chịu tu trí làm ăn. Lần kết hôn này của anh T là lần thứ 3, nhưng anh T vẫn không rút ra kinh nghiệm. Chị L khuyên nhủ nhưng anh T không nghe, ngược lại còn chửi bới chị L thậm tệ. Nhiều lần không chịu được nên chị L đã bỏ về nhà bà, nhưng sau đó anh T lại đến

xin lỗi nên vì thương con chị L lại quay về sống cùng anh T. Vào năm 2022 chị L cùng từng làm đơn xin ly hôn anh T ra Tòa án huyện K nhưng anh T lại xin lỗi, hứa thay đổi nên chị L lại rút đơn ly hôn về chung sống với anh T. Tuy nhiên cũng chỉ được ít ngày thì anh T lại chứng nào tật đấy, do đó chị L đã đem hai con về nhà bà sinh sống từ đầu năm 2023, từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 02 con chung là cháu Đàm Quang K1 và cháu Đàm Quang Tr. Từ khi chị L đem hai con về nhà bà sinh sống thì gia đình bà tạo mọi điều kiện về ăn ở và cũng phụ giúp chị L chăm sóc hai cháu. Do vậy hai con chung của chị L được chăm sóc đầy đủ và đảm bảo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Đàm Quang K1 và Đàm Quang Tr đều trình bày: Từ khi các cháu biết nhận thức thì các cháu thấy bố mẹ thường xuyên xẩy ra đánh cãi nhau. Bố các cháu hay uống rượu say rồi về chửi mẹ và đánh các cháu, có lần còn vứt hết quần áo và đuổi mẹ con các cháu đi. Do không chịu được nên các cháu và mẹ đã phải về nhà ông bà ngoại ở. Nay mẹ các cháu xin ly hôn bố các cháu thì các cháu không mong muốn và để bố mẹ tự quyết định việc riêng của bố mẹ. Các cháu xin được ở với mẹ và do bận việc học nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2023 thì cháu Tr xin thay đổi quan điểm là xin được ở với bố.

<u>Tại phiên tòa hôm nay:</u>

Nguyên đơn chị Hoàng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đàm Quang T vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân (TAND) huyện K. Nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử (HĐXX) không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1

Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Đàm Quang T. Về con chung: Giao cháu Đàm Quang Tr, sinh ngày 03/06/2011 anh T tiếp tục nuôi và giao cháu Đàm Quang K1, sinh ngày 07/8/2007 cho chị L tiếp tục nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn chị L, anh T được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh T, chị L đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. ***Về tố tụng***: Chị Hoàng Thị L có đơn đề nghị TAND huyện K giải quyết ly hôn với anh Đàm Quang T, hiện đang sinh sống tại Thôn T1, xã A, huyện K, tỉnh H. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Chị L kết hôn với anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K, vào ngày 03/4/2007 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị L và anh T đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do anh T là người mải chơi, rượu chè, không tu trí làm ăn, mọi việc đều để mặc cho chị lo liệu. Không những thế anh T còn là người cục tính, gia trưởng. Bản thân anh T thì cho rằng vợ chồng anh chung sống bình thường. Chỉ là do chị L hay giận dỗi linh tinh, trong khi bản thân anh không có lỗi lầm gì. Nhưng anh cũng thừa nhận rằng đã vài lần chị L bỏ nhà đi và vào năm 2022 thì chị L đã từng làm đơn xin ly hôn anh ra Tòa án. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống.

Theo xác minh tại địa phương xã A và người thân trong gia đình anh chị thì thấy rằng giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ,

phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. ***Về con chung*****:** Chị L và anh T có hai con chung là cháu Đàm Quang K1 và cháu Đàm Quang Tr. Hiện cháu Tr đang ở cùng với anh T, cháu K1 đang ở cùng với chị L. Anh T xin nuôi cả hai con chung, nếu không được thì anh xin nuôi cháu Tr và nhất trí giao cháu K1 cho chị L nuôi. Chị L xin được nuôi dưỡng chăm sóc cho cả hai con chung. Việc chăm sóc con chung là nghĩa vụ và trách nhiệm của cả bố và mẹ, nguyện vọng của anh T và chị L đều là chính đáng. Do vậy để đảm bảo điều kiện sống ổn định, tâm sinh lý phát triển tốt nhất cho con chung cần giữ nguyên tình trạng con chung như hiện tại là giao cháu Tr cho anh T tiếp tục nuôi và giao cháu K1 cho chị L tiếp tục nuôi cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Như vậy cũng là phù hợp với nguyện vọng của anh T, chị L, cháu Tr và cũng là phù hợp với quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh T, chị L không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh T, chị L có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồngđối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Anh T, chị L đều khẳng định không có gì liên quan không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn này.

[5]. ***Về án phí:*** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp tại biên lai thu số 0008148 ngày 23/2/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên chị L đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. ***Căn cứ:*** Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Đàm Quang T.

[3]. ***Về con chung***: Giao cháu Đàm Quang Tr, sinh ngày 03/06/2011 cho anh T tiếp tục nuôi và giao cháu Đàm Quang K1, sinh ngày 07/8/2007 cho chị L tiếp tục nuôi; cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị L, anh T có quyền xin thay đổi nuôi con, quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn này.

[5]. ***Về án phí:*** Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị L đã nộp tại biên lai thu số 0008148 ngày 23/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên L đã thi hành xong án phí của mình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
-Đương sự;
- UBND xã A;
- UBND xã Ô;
- Phòng KTNV – THA. TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- Lưu HSVA.

Bùi Văn T2